

nuôi con chung như sau:

Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X thống nhất giao cả 03 con Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 26/10/2016; Lê Thị Quỳnh T, sinh ngày 31/01/2019; Lê Khánh H1, sinh ngày 13/6/2021 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của cháu Đ và cháu T. Chị Phạm Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị Phạm Thị X có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản và công nợ: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X thỏa thuận chị X chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X

- **Về con chung:** Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X thống nhất vợ chồng có ba con chung là Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 26/10/2016; Lê Thị Quỳnh T, sinh ngày 31/01/2019; Lê Khánh H1, sinh ngày 13/6/2021.

Ly hôn hai bên thỏa thuận, thống nhất về việc nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau:

Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X thống nhất giao cả 03 con Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 26/10/2016; Lê Thị Quỳnh T, sinh ngày 31/01/2019; Lê Khánh H1, sinh ngày 13/6/2021 cho anh Lê Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đây cũng là nguyện vọng của cháu Đ và cháu T. Chị Phạm Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị Phạm Thị X có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Anh Lê Văn H và chị Phạm Thị X thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. **Về lệ phí Tòa án:** Hai bên thỏa thuận, chị Phạm Thị Xuân C toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu BLTU/25E số: 0003959 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 1- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND phường Đông Tiến,
tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Đại Long